

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

ĐIỀU LỆ
QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG
THIÊN VIỆT 2
(DỰ THẢO)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG	7
Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ	7
Điều 2. Thời hạn hoạt động của quỹ	7
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức	7
Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán	7
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ	7
Điều 6. Công ty quản lý quỹ	8
Điều 7. Ngân hàng giám sát	8
CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	8
Điều 8. Mục tiêu đầu tư	8
Điều 9. Chiến lược đầu tư	8
Điều 10. Hạn chế đầu tư	10
Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư	11
CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ	11
Điều 12. Nhà đầu tư	11
Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư	12
Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư	13
Điều 15. Niêm yết và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ	13
Điều 16. Thừa kế chứng chỉ quỹ	13
Điều 17. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ	13
CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	14
Điều 18. Đại hội nhà đầu tư	14
Điều 19. Đại hội nhà đầu tư bất thường	15
Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư	15
CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	16
Điều 21. Ban đại diện quỹ	16
Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ	17
Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ	18
Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ	19
Điều 25. Chủ tịch ban đại diện quỹ	19
Điều 26. Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ	19
Điều 27. Cuộc họp ban đại diện quỹ	19
Điều 28. Biên bản họp ban đại diện quỹ	19
CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	20
Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ	20
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ	20
Điều 31. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ	21
Điều 32. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ	21
CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	22
Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát	22
Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát	22
Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát	24
CHƯƠNG VIII: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	24
Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán	24
Điều 37. Năm tài chính	24
Điều 38. Chế độ kế toán	25
Điều 39. Báo cáo tài chính	25

Điều 40. Báo cáo khác	25
CHƯƠNG IX: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	25
Điều 41. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ	25
Điều 43. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ	26
CHƯƠNG X: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TẶNG/GIẢ	30
M VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ	30
Điều 44. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tặng vốn điều lệ	30
Điều 45. Phân chia lợi tức của quỹ	30
CHƯƠNG XI: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ	31
Điều 46. Các điều kiện giải thể quỹ	31
Điều 47. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể	31
CHƯƠNG XII: GIÁ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	32
Điều 48. Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ đóng	32
Điều 49. Thu nhập của quỹ	32
Điều 50. Giá dịch vụ quản lý quỹ	32
Điều 51. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát	32
Điều 52. Chi phí khác	33
Điều 53. Thường hoạt động và chỉ số tham chiếu	33
CHƯƠNG XIII: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH	33
Điều 54. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ, các khách hàng đầu tư uỷ thác của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ.	33
CHƯƠNG XIV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ	34
Điều 55. Công bố thông tin	34
Điều 56. Thay đổi điều lệ	34
Điều 57. Đăng ký điều lệ	34
Điều 58. Điều khoản thi hành	34
PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	35
PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	35
PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG	35
PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ	36
PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	38
PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	39
PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG	40

ĐIỀU LỆ

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THIÊN VIỆT 2

1. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật số 62/2010/QH12 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng Khoán do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2010;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 do Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012;
- Thông tư 224/2012/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Bộ tài chính hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ đóng, quỹ thành viên.

2. CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ ” Là Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 được thành lập theo mô hình quỹ đóng (đại chúng) và quản lý bởi Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt, tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này.

“Công ty quản lý quỹ” Là Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt, hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/6/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/5/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015; thực hiện các ngành nghề kinh doanh như quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư. Công ty quản lý quỹ được nhà đầu tư uỷ thác quản lý Quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

"Ngân hàng giám sát"	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành, Giấy CNĐKHD-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015 và được cấp Giấy chứng nhận Chi nhánh Hoạt động lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký cấp ngày 30 tháng 12 năm 2014, thực hiện các nghiệp vụ: bảo quản, lưu ký các chứng khoán, các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của quỹ. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
"Công ty kiểm toán"	Là một công ty kiểm toán độc lập nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định theo quy định của điều lệ này và pháp luật Việt Nam để thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ.
"Điều lệ"	Bao gồm văn bản này, các phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có)
"Bản cáo bạch"	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán hoặc niêm yết chứng chỉ quỹ của Quỹ
"Hợp đồng giám sát"	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi đại hội nhà đầu tư của quỹ.
"Nhà đầu tư"	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ quỹ.
"Đại hội nhà đầu tư"	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của quỹ.
"Ban đại diện quỹ"	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và Ngân hàng giám sát.
"Vốn điều lệ"	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp và được ghi trong Điều lệ này.

“Chứng chỉ quỹ”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp của quỹ.
“Giá bán”	Là mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá phát hành đã quy định tại điều lệ Quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là số tiền dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ.
“Phí thưởng”	Là phí mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ, nếu giá trị tài sản ròng của quỹ trong giai đoạn tính thưởng hoạt động quy định tại điều lệ quỹ vượt quá chỉ số tham chiếu một tỷ lệ phần trăm nhất định quy định tại điều lệ quỹ.
“Giá dịch vụ phát hành”	Là mức giá mà Quỹ phải trả cho Công ty quản lý quỹ để trang trải những chi phí cho việc phát hành chứng chỉ quỹ ra công chúng. Giá này được cộng vào mệnh giá một chứng chỉ quỹ và thu khi phát hành và không vượt quá mức tối đa là 3% mệnh giá chứng chỉ quỹ.
“Lợi tức quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Ngày đóng quỹ”	Là ngày kết thúc việc huy động vốn cho Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
“Năm tài chính”	Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 1 tháng 1 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày quỹ đầu tư được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm đó.
“Giá trị tài sản ròng của quỹ”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại thời điểm định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày công ty quản lý quỹ ấn định để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ.
“Người có liên quan”	Theo khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán và theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014.
UBCKNN	Là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

“Các định nghĩa khác” Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định của pháp luật về chứng khoán.

CHƯƠNG I: CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên và địa chỉ liên hệ

- Tên đầy đủ: Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2
- Tên tiếng Anh: Thiên Viet Growth Fund 2
- Tên viết tắt: TVGF2
- Địa chỉ: Lầu 9, Tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh

Điều 2. Thời hạn hoạt động của quỹ

1. Thời hạn hoạt động của Quỹ là 03 (ba) năm tính từ ngày hoàn tất việc huy động vốn và chính thức đăng ký hoặc được xác nhận thành lập Quỹ bởi UBCKNN
2. Thời hạn hoạt động của Quỹ có thể được gia hạn thêm theo đề nghị của Công ty quản lý quỹ và sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư và UBCKNN

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức

1. Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 là một quỹ đại chúng dạng đóng, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
2. Trong suốt thời hạn hoạt động, Quỹ không có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư.
3. Cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ là Đại hội Nhà đầu tư.
4. Ban đại diện Quỹ sẽ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ, Công ty quản lý quỹ.
5. Công ty quản lý quỹ do Đại hội Nhà đầu tư chỉ định để quản lý hoạt động đầu tư của Quỹ.
6. Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa đối với chứng chỉ quỹ là 49% vốn điều lệ Quỹ.

Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ chào bán

1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của nhà đầu tư tạo thành. Việc góp vốn có thể thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản phong tỏa của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.
2. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của quỹ là: 300.000.000.0000 (Ba trăm tỷ) đồng (30.000.000 chứng chỉ quỹ) và tối thiểu: 100.000.000.000 (Một trăm tỷ) đồng (10.000.000 chứng chỉ quỹ).
3. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.
4. Việc tăng hay giảm vốn huy động của Quỹ phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và được UBCKNN chấp thuận.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công ty quản lý quỹ

- Tên đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT
- Tên viết tắt: TVAM
- Giấy phép thành lập và hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Quyết định số 379/QĐ-UBCK về việc bổ sung Giấy phép hoạt động quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 22/06/2007; Giấy phép điều chỉnh số 56/UBCK-GPĐC do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07 tháng 12 năm 2009; Giấy phép điều chỉnh số 10/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20/05/2015; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/09/2015
- Trụ sở chính: Lầu 9, tòa nhà Bitexco Nam Long, 63A Võ Văn Tần, phường 6, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028.62992090 Fax: 028.62992103
- Website: www.tvam.vn

Điều 7. Ngân hàng giám sát

- Tên đầy đủ: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành
- Tên viết tắt: BIDV Hà Thành
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành được thành lập theo Giấy CNDKHH-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015
- Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014. (đính kèm bản sao)
- Trụ sở chính: 74 Thọ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.
- Điện thoại: (84-024) 3941.1845/46 Fax : (84-024) 3941.1847
- Website: www.bidv.com.vn

CHƯƠNG II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu của Quỹ là tìm kiếm sự gia tăng giá trị tài sản bằng chiến lược đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các doanh nghiệp Việt Nam có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững, tiềm năng tăng trưởng tốt, và đang được định giá hợp lý so với bình quân thị trường. Đối tượng đầu tư chủ yếu là cổ phiếu của doanh nghiệp niêm yết trên Hsx, Hnx và đăng ký giao dịch trên Upcom doanh nghiệp OTC sắp niêm yết. Quỹ dự định phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng để có thể đạt được lợi nhuận trên mức trung bình của thị trường với mức rủi ro có thể chấp nhận được. Tùy thuộc tình hình thị trường, Quỹ có thể phân bổ một phần NAV vào tài sản có thu nhập cố định như tiền gửi, trái phiếu Chính Phủ.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

I. Chiến lược đầu tư

- **Đầu tư vào những Doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh cốt lõi bền vững**

Những Doanh nghiệp mà Quỹ đầu tư phải tập trung khoảng 60% nguồn lực vào hoạt động kinh doanh chính, hoạt động ổn định với thị phần cao và sản phẩm có sức cạnh tranh lớn.

- **Đầu tư vào những doanh nghiệp có cơ hội tăng trưởng cao**

Quý tìm cách đầu tư vào các doanh nghiệp còn năng lực sản xuất và có khả năng mở rộng thị phần, thị trường rộng lớn, luôn tìm kiếm cơ hội để phát triển thêm những sản phẩm và dịch vụ mới nhằm duy trì tốc độ tăng trưởng cao.

- **Tìm kiếm những công ty có lợi thế cạnh tranh dài hạn**

Lợi thế cạnh tranh là yếu tố quyết định khả năng công ty tồn tại trong môi trường chung khó khăn và phát triển mạnh khi nền kinh tế phục hồi. Doanh nghiệp có thể tổ chức hoạt động với chi phí thấp, có sản phẩm mang thương hiệu mạnh luôn là doanh nghiệp chiếm ưu thế trong môi trường cạnh tranh khốc liệt.

- **Tập trung vào công ty với đội ngũ lãnh đạo nhiều kinh nghiệm và minh bạch**

Kinh nghiệm và tổ chức của ban lãnh đạo là yếu tố quan trọng hàng đầu khi lựa chọn đầu tư vào doanh nghiệp niêm yết. Kinh nghiệm dày dặn trong thương trường, rõ ràng trong tổ chức kinh doanh và công bố thông tin rõ ràng đóng góp nhiều vào sự tăng trưởng lợi nhuận và thu hút đầu tư.

2. Cơ cấu danh mục đầu tư

TVGF2 sẽ đầu tư vào các tài sản quỹ được phép đầu tư theo luật định và điều lệ Quỹ với cơ cấu danh mục chính là chứng khoán. Tỷ trọng từng loại tài sản trong danh mục sẽ linh hoạt tùy thuộc vào diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán từng thời kỳ.

Khi công ty quản lý quỹ nhận định điều kiện thị trường chung có nhiều triển vọng khả quan, cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ có thể trên 90% là cổ phiếu. Ngược lại, khi nhận định điều kiện thị trường có nhiều khả năng bất lợi, tỉ trọng tiền mặt và các tài sản mang thu nhập cố định có thể chiếm trên 50% giá trị tài sản ròng của Quỹ.

3. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

- Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề mà pháp luật không cấm;
- Các lĩnh vực đầu tư cụ thể: Quỹ sẽ tìm cách phát triển một danh mục đầu tư đa dạng và cân bằng, tập trung vào các ngành có tiềm năng tăng trưởng cao hoặc trong lĩnh vực có tính phòng thủ bao gồm nhưng không giới hạn như sau:
 - Dược phẩm & Chăm sóc sức khỏe
 - Nông nghiệp
 - Thủy sản
 - Bất động sản & cơ sở hạ tầng
 - Dịch vụ xây dựng
 - Vật liệu xây dựng
 - Hàng tiêu dùng
 - Dịch vụ tài chính (bảo hiểm, chứng khoán....)
 - Năng lượng
 - Công nghiệp
 - Giao thông vận tải & kho vận hậu cần
 - Công nghệ thông tin/Viễn thông
 - Ngân hàng

4. Quỹ được phép đầu tư vào các tài sản tài chính sau đây tại Việt Nam:

- a) Gửi tiền tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;

- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định trong lĩnh vực ngân hàng;
 - c) Trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
 - d) Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao chứng khoán của Việt Nam;
 - đ) Cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, trái phiếu chưa niêm yết của các tổ chức phát hành hoạt động theo pháp luật Việt Nam; cổ phiếu của công ty cổ phần, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn;
 - e) Chứng khoán phái sinh và các chứng khoán khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.
5. Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều này tại các ngân hàng thương mại đã được ban đại diện quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

1. Vốn và tài sản của quỹ khi được đầu tư phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Không đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - b) Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các loại chứng khoán và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 4 Điều 9 Điều lệ này được phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
 - c) Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, đ và e khoản 4 Điều 9 Điều lệ này mà phát hành bởi một tổ chức hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau;
 - d) Không đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào bất động sản và các tài sản tài chính quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 9;
 - đ) Không được sử dụng vốn và tài sản của quỹ để cho vay, bảo lãnh cho các khoản vay, trừ trường hợp đầu tư tiền gửi theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Điều lệ này; không được sử dụng tài sản của quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán), bán khống (cho vay chứng khoán để bán);
 - e) Không đầu tư vào chứng chỉ của chính quỹ đó, đầu tư vào các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán thành lập và hoạt động tại Việt Nam;
2. Công ty quản lý quỹ không được vay để tài trợ cho hoạt động của quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn để trang trải các chi phí cần thiết cho quỹ. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
3. Trừ trường hợp quy định tại điểm đ, e khoản 1 Điều này, cơ cấu đầu tư của quỹ được phép sai lệch nhưng không quá mười lăm phần trăm (15%) so với các hạn chế đầu tư quy định tại khoản 1 Điều này và chỉ do các nguyên nhân sau:
 - a) Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của quỹ;
 - b) Thực hiện các khoản thanh toán hợp pháp của quỹ;
 - c) Hoạt động hợp nhất, sáp nhập, mua cổ phiếu quỹ, chào mua công khai chứng khoán của các tổ chức phát hành;
 - d) Quỹ mới được đăng ký thành lập hoặc tăng vốn hoặc tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày giấy chứng

nhân đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực;

- e) Quỹ đang trong thời gian thanh lý tài sản để giải thể.
4. Trong thời hạn ba (03) tháng, kể từ ngày sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại khoản 3 Điều này, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư của quỹ, bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều này.
 5. Trường hợp sai lệch là do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ quỹ, thì phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày phát hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận, phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.
 6. Khi thực hiện các giao dịch mua, bán tài sản cho quỹ, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định sau:
 - a) Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán, các giao dịch phải được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán;
 - b) Đối với các tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch, hoặc trong các giao dịch thỏa thuận, công ty quản lý quỹ phải lấy ý kiến chấp thuận bằng văn bản của ban đại diện quỹ về khoảng giá dự kiến thực hiện, thời điểm giao dịch, đối tác, loại tài sản giao dịch trước khi thực hiện giao dịch.

Điều 11. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Những khoản đầu tư đáp ứng được điều kiện của Quỹ sẽ được xem là khoản đầu tư mục tiêu và sau đó sẽ được nghiên cứu chuyên sâu với những yếu tố sau:

1. Phân tích các yếu tố kinh tế và xã hội có thể ảnh hưởng đến lợi nhuận và tỷ lệ lợi nhuận của những công ty mục tiêu;
2. Đánh giá thị trường hoạt động chủ yếu của công ty mục tiêu;
3. Nghiên cứu, đánh giá đội ngũ quản lý của công ty mục tiêu;
4. Phân tích các kế hoạch kinh doanh và kết quả hoạt động kinh doanh trong quá khứ của công ty mục tiêu, bao gồm đánh giá về sản phẩm, sự khác biệt, đối thủ cạnh tranh, và mô hình hoạt động kinh doanh;
5. So sánh với các đối thủ trong ngành ở trong và ngoài nước về mặt định giá và tỷ lệ lợi nhuận;
6. Đánh giá các yếu tố pháp lý, luật và thuế;
7. Phân tích SWOT về công ty.
8. Xác định các yếu tố rủi ro cụ thể và cách khắc phục hoặc giảm thiểu rủi ro đó;
9. Xây dựng một chiến lược thoái vốn và thời gian để thoái vốn thành công.

CHƯƠNG III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỔ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHUYÊN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 12. Nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư của quỹ có thể là pháp nhân hay cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (1) chứng chỉ quỹ trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc có bốn phạm vi khác với quỹ ngoài trách nhiệm trong phạm vi sổ chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư là pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện theo pháp luật của nhà đầu tư là pháp nhân ký.
3. Hạn chế về tỷ lệ nắm giữ chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện theo mức tối đa theo quy định của pháp luật liên quan từng thời kỳ.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - b) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
 - c) Quyền được thông báo đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - d) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - e) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại điều lệ quỹ, bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.
2. Nhà đầu tư, hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu trên 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau đây:
 - a) Đề cử người vào ban đại diện quỹ;
 - b) Xem xét và trích lục số biên bản và các nghị quyết của ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - Có căn cứ xác thực về việc công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư, hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.
 - d) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải có công văn trả lời nhà đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu bằng văn bản;
 - e) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp điều lệ quỹ có quy định thời hạn khác;
 - f) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu còn hiệu lực hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với nhà đầu tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành

lập hoặc sổ đăng ký kinh doanh đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ năm giữ và thời điểm năm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

Điều 14. Sổ đăng ký nhà đầu tư

1. Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác nhận quyền sở hữu cho nhà đầu tư với số lượng chứng chỉ quỹ đã mua, và lập sổ đăng ký nhà đầu tư với các nội dung chủ yếu sau:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ;
 - b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán; tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và giá trị vốn huy động được;
 - c) Danh sách nhà đầu tư: họ tên, số chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, sổ đăng ký kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán;
 - d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.
2. Thông tin về nhà đầu tư tại sổ đăng ký nhà đầu tư là căn cứ để chứng thực quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư đó.
3. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc đăng ký, lưu ký chứng chỉ quỹ theo quy định pháp luật về đăng ký, lưu ký chứng khoán.

Điều 15. Niêm yết và chuyển nhượng chứng chỉ quỹ

1. Chứng chỉ quỹ sẽ được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX). Trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ điều chỉnh có hiệu lực, Công ty quản lý quỹ phải thực hiện các thủ tục, hoàn tất hồ sơ và niêm yết chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật.
2. Nhà đầu tư được tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật liên quan.
3. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

Điều 16. Thừa kế chứng chỉ quỹ

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về việc thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.
2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong Sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

Điều 17. Giải pháp cho vấn đề thua lỗ của quỹ

Trong trường hợp Quỹ đầu tư bị thua lỗ và có thể dẫn đến phá sản, Ban đại diện Quỹ phải họp xem xét nguyên nhân thua lỗ để xem xét trách nhiệm.

1. Nếu Quỹ bị tổn thất hoặc thua lỗ do yếu tố khách quan, bất khả kháng, sự kiện vượt ngoài tầm kiểm soát hợp lý, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, bệnh dịch, bạo loạn, những đợt khủng hoảng, biến động lớn của toàn bộ thị trường mà những biến động này là kết quả của những tác động, ảnh hưởng tài chính dây chuyền mang tính quốc tế và khu vực,... thì nhà đầu tư phải gánh chịu khoản lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn của họ và sẽ không nhận cổ tức quỹ trong giai đoạn đó. Trong trường hợp đó, Ban đại diện quỹ sẽ xem xét và đề xuất lên Đại hội Nhà đầu tư một trong những giải pháp sau:
 - a) Giữ nguyên mức vốn Điều lệ;
 - b) Ghi giảm vốn và phải đăng ký lại mức tổng vốn mới;
2. Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ nếu do lỗi của nhân viên, sự cố hoặc lỗi của hệ thống kỹ thuật và quy trình nghiệp vụ của công ty hoặc do công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ trong hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Mức bồi thường được thực hiện theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ và Công ty quản lý quỹ tại thời điểm xảy ra tổn thất.

CHƯƠNG IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 18. Đại hội nhà đầu tư

1. Đại hội nhà đầu tư do Công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
 - a) Sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát;
 - b) Thay đổi chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; quyết định tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại quỹ; thay đổi phương án phân phối lợi tức; tăng mức giá dịch vụ quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
 - c) Sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; tăng vốn điều lệ của quỹ; kéo dài thời hạn hoạt động của quỹ;
 - d) Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa quỹ với nhà đầu tư sở hữu trên 35% số chứng chỉ quỹ đang lưu hành; người đại diện theo ủy quyền và người có liên quan của nhà đầu tư này. Trong trường hợp này, nhà đầu tư có quyền lợi liên quan không được biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận khi có số nhà đầu tư đại diện cho tối thiểu 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý;
 - e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, tổ chức định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo về tình hình tài chính, tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
 - f) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
 - g) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại điều lệ quỹ.
2. Chương trình và nội dung họp đại hội nhà đầu tư được Công ty quản lý quỹ xây dựng theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức

trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày có báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.

Điều 19. Đại hội nhà đầu tư bất thường

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:
 - a) Theo yêu cầu của ngân hàng giám sát, hoặc ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;
 - b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 Điều lệ này;
2. Việc tổ chức họp bất thường đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư theo điểm a hoặc b khoản 1 Điều này. Chậm nhất mười lăm (15) ngày trước khi diễn ra cuộc họp đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp bất thường đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.
3. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư như quy định tại khoản 2 Điều này thì Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp đại hội nhà đầu tư.

Điều 20. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định đại hội nhà đầu tư

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xây dựng và công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quy trình nội bộ về điều kiện, trình tự, thủ tục triệu tập, thể thức tiến hành họp và thông qua quyết định tại đại hội nhà đầu tư theo quy định pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ, gồm các nội dung chính sau:
 - a) Thông báo triệu tập cuộc họp đại hội nhà đầu tư, trong đó có thời hạn gửi thông báo và nhận phiếu biểu quyết trong trường hợp lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản; thủ tục đăng ký tham dự đại hội nhà đầu tư;
 - b) Phương thức bỏ phiếu; trình tự, thủ tục kiểm phiếu; thông báo kết quả bỏ phiếu;
 - c) Lập và thông qua biên bản đại hội nhà đầu tư; thông báo nghị quyết đại hội nhà đầu tư ra công chúng; trình tự, thủ tục phản đối nghị quyết của đại hội nhà đầu tư.
2. Cuộc họp đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp, hoặc ủy quyền tham gia, hoặc tham dự họp trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác theo quy định tại điều lệ quỹ.
3. Quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp chấp thuận.
4. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
5. Trừ trường hợp đại hội nhà đầu tư thường niên hoặc đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về các vấn đề quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều 18 của Điều lệ này, công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, thay vì tổ chức họp đại hội nhà đầu tư.

Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với các nguyên tắc tại quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu hợp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp đại hội nhà đầu tư.

6. Trường hợp lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, thì quyết định của đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.
7. Công ty quản lý quỹ và ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các nghị quyết của đại hội nhà đầu tư là phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ. Trong trường hợp quyết định của đại hội nhà đầu tư là không phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ quỹ, thì phải tổ chức họp đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.
8. Trong thời hạn bảy (07) ngày, sau khi kết thúc đại hội nhà đầu tư, hoặc sau ngày kết thúc việc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản theo quy định tại khoản 5 Điều này, công ty quản lý quỹ phải gửi biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư cho ngân hàng giám sát, cung cấp cho nhà đầu tư biên bản và nghị quyết đại hội nhà đầu tư và công bố thông tin theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 21. Ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện Quỹ do Đại hội Nhà đầu tư bầu ra, là cơ quan đại diện cho quyền lợi của Nhà đầu tư bao gồm từ 3 (ba) đến 5 (năm) thành viên. Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:
 - a) Thông tin liên quan đến các ứng viên ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất mười (10) ngày, trước ngày họp đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;
 - b) Trường hợp số lượng các ứng viên ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;
 - c) Việc đề cử, ứng cử thành viên ban đại diện quỹ được thực hiện như sau:
 - Các nhà đầu tư họp thành nhóm để đề cử người vào Ban đại diện quỹ phải thông báo về việc họp nhóm cho các nhà đầu tư dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội nhà đầu tư;
 - Căn cứ số lượng thành viên Ban đại diện quỹ, nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư làm ứng cử viên. Trường hợp số ứng cử viên được nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư thì số ứng cử viên còn lại do Công ty quản lý quỹ và các nhà đầu tư khác đề cử.

2. Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;
 - b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.
3. Trong ban đại diện quỹ phải có:
 - a) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán;
 - b) Tối thiểu một thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c) Tối thiểu một thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật
4. Ban đại diện Quỹ có nhiệm kỳ là 03 (ba) năm và có thể được bầu lại tại Đại hội Nhà đầu tư tiếp theo.
5. Trường hợp cơ cấu ban đại diện quỹ không còn đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này, hoặc trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban đại diện quỹ bị đình chỉ hoặc bãi miễn theo quy định của Điều lệ, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi phát hiện sự việc, ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên tạm thời thay thế đáp ứng quy định có liên quan. Công ty quản lý quỹ thực hiện công bố thông tin về việc lựa chọn thành viên tạm thời thay thế của ban đại diện quỹ theo quy định của pháp luật chứng khoán về việc thay đổi thành viên ban đại diện quỹ. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ cho tới khi đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
6. Trường hợp số lượng thành viên còn lại dưới 2 (hai) thành viên thì Ban đại diện quỹ phải triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu thêm thành viên Ban đại diện quỹ trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên còn lại dưới 2 (hai) thành viên
7. Công ty quản lý quỹ phải thông báo công khai (công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ) việc thay đổi cơ cấu Ban đại diện cho nhà đầu tư và báo cáo cho UBCKNN, Sở Giao dịch chứng khoán và Ngân hàng giám sát.
8. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn theo nguyên tắc đa số quá bán. Mỗi thành viên ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.
9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên ban đại diện quỹ:
 - a) Thành viên ban đại diện quỹ bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 22 của Điều lệ này;
 - Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong 1 năm liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Công ty quản lý quỹ nhận được đơn từ chức;
 - Trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.
 - b) Thành viên ban đại diện quỹ có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư

Điều 22. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ

1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên ban đại diện quỹ.

Những người sau đây không được là thành viên ban đại diện quỹ:

- a) Người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự; người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án trong hoặc ngoài nước hoặc đang bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh;

- b) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế, bị kết án về các tội danh trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm mà chưa được xoá án tích, trong hoặc ngoài nước; người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên trong hoặc ngoài nước;
 - c) Là các đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp khác theo quy định pháp luật về doanh nghiệp;
 - d) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của doanh nghiệp, chủ nhiệm và các thành viên ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
 - e) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
 - f) Người đã từng bị đình chỉ chức danh chủ tịch hội đồng quản trị, thành viên hội đồng quản trị, chủ tịch hội đồng thành viên, thành viên hội đồng thành viên, trưởng ban kiểm soát, thành viên ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng giám đốc) của tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, doanh nghiệp bảo hiểm theo quy định của pháp luật chuyên ngành, hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức đó bị thu hồi giấy phép;
 - g) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;
 - h) Là thành viên của trên năm (05) ban đại diện quỹ đại chúng, hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - i) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.
2. Các trường hợp sau đây đương nhiên mất tư cách thành viên ban đại diện quỹ:
- a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b) Là người đại diện phân vốn góp của nhà đầu tư tổ chức khi tổ chức đó bị chấm dứt tư cách pháp nhân;
 - c) Không còn là người đại diện phân vốn góp theo ủy quyền của nhà đầu tư tổ chức;
 - d) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của ban đại diện quỹ

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.
2. Phê duyệt sổ tay định giá, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các ngân hàng nhận tiền gửi của quỹ; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 10 Điều lệ này.
3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ quỹ hoặc đã được đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
5. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý tài sản và hoạt động giám sát.
6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ

1. Quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của thành viên ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và của pháp luật liên quan.
2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.
3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

Điều 25. Chủ tịch ban đại diện quỹ

1. Đại hội người đầu tư bầu chủ tịch ban đại diện quỹ trong số thành viên ban đại diện. Chủ tịch ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
2. Chủ tịch ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của ban đại diện quỹ;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp ban đại diện quỹ;
 - c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của ban đại diện quỹ;
 - d) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 26. Thủ tục điều hành của ban đại diện quỹ

1. Trường hợp chủ tịch ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên ban đại diện quỹ được chủ tịch ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch ban đại diện quỹ.
2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại đại hội nhà đầu tư thường niên gần nhất.

Điều 27. Cuộc họp ban đại diện quỹ

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu sáu (6) tháng một lần hoặc theo yêu cầu của Công ty quản lý quỹ.
2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ít nhất hai (2) ngày làm việc.
3. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản (qua email) hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn khác.
4. Cuộc họp ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (từ 51% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Quyết định của ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
5. Đại diện của Công ty quản lý quỹ và Người điều hành quỹ có quyền tham dự cuộc họp của Ban đại diện quỹ nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 28. Biên bản họp ban đại diện quỹ

Cuộc họp Ban đại diện quỹ phải được ghi đầy đủ vào biên bản. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên ban đại diện quỹ tham gia

vào phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và điều lệ quỹ. Biên bản họp ban đại diện quỹ phải được gửi cho Ngân hàng giám sát 01 bản gốc/hoặc bản sao hợp lệ để thực hiện chức năng giám sát theo đúng quy định của điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan

CHƯƠNG VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 29. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ.
2. Hoàn toàn độc lập với ngân hàng giám sát.
3. Có đầy đủ khả năng thực hiện công tác quản lý quỹ
4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ
 - a) Tuân thủ Điều lệ quỹ và bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
 - b) Công bằng, trung thực và vì lợi ích của quỹ và nhà đầu tư;
 - c) Thực hiện việc đầu tư tài sản của quỹ theo các quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;
 - d) Công ty quản lý quỹ quản lý độc lập và tách biệt tài sản của Quỹ với tài sản của công ty Quản lý Quỹ, tài sản của các Nhà đầu tư ủy thác và các Quỹ khác do công ty Quản lý Quỹ quản lý; lưu trữ đầy đủ, kịp thời sổ sách kế toán, chứng từ giao dịch và các tài liệu liên quan tới giao dịch và sở hữu tài sản của Quỹ; tổng hợp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin về tài sản của Quỹ và nơi lưu ký, lưu trữ các tài sản đó;
 - e) Đối với những giao dịch của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện trong đó có sự tham gia của người có liên quan của Công ty quản lý quỹ, phải đảm bảo sự công bằng và không làm tổn hại đến quyền lợi của quỹ;
 - f) Bảo đảm việc ủy quyền hoạt động cho bên thứ ba phải được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và không gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của quỹ;
 - g) Công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm đền bù các tổn thất gây ra cho Quỹ đầu tư do Công ty quản lý quỹ không thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ. Việc bồi thường cho quỹ thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên liên quan.
 - h) Khi công ty quản lý quỹ giao dịch mua, bán các tài sản cho quỹ thì thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, phó tổng giám đốc công ty, người điều hành quỹ không được nhận bất kỳ một lợi ích nào cho công ty hoặc cho chính mình hoặc cho người thứ ba, ngoài khoản phí và thưởng quy định trong Điều lệ quỹ;
 - i) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thực hiện việc xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ;
 - j) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày ngân hàng giám sát phát hiện và thông báo cho công ty quản lý quỹ biết giao dịch không phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ hoặc vượt quá thẩm quyền của công ty quản lý quỹ, công ty quản lý phải hủy bỏ giao dịch đó hoặc thực hiện mua hoặc bán tài sản của Quỹ

nhằm phục hồi tài sản của quỹ như trước khi có giao dịch. Mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này do công ty quản lý quỹ chịu;

k) Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các cam kết như được liệt kê tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

2. Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

a) Được hưởng giá dịch vụ quản lý quỹ và thưởng được quy định trong Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật; Mức thưởng bảo đảm tuân thủ nguyên tắc sau:

- Được tính trên cơ sở phần lợi nhuận hàng năm của quỹ vượt trội so với lợi nhuận tham chiếu được xác định dựa vào tỷ lệ tăng trưởng chỉ số thị trường, cơ cấu danh mục đầu tư và các chỉ tiêu khác quy định tại điều lệ quỹ;
- Phải tính giảm trừ, hoặc không được thanh toán nếu hoạt động đầu tư tại các năm liền trước bị thua lỗ và mức lỗ này chưa được bù đắp.

b) Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

c) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

d) Được quyết định các khoản đầu tư của quỹ phù hợp với quy định của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.

e) Được sửa các lỗi ngữ pháp, lỗi chính tả, văn phạm không ảnh hưởng đến nội dung của Điều lệ mà không phải lấy ý kiến đại hội nhà đầu tư. Sau khi sửa đổi, bổ sung điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải thông báo cho nhà đầu tư biết về những nội dung sửa đổi, bổ sung.

f) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định Điều lệ quỹ và quy định pháp luật.

Điều 31. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:

a) Tự nguyện chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với quỹ theo các quy định của điều lệ quỹ;

b) Theo yêu cầu của đại hội nhà đầu tư;

c) Công ty quản lý quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều 70 Luật Chứng khoán;

d) Công ty quản lý quỹ hợp nhất, sáp nhập với một công ty quản lý quỹ khác;

e) Quỹ hết thời gian hoạt động.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

1. Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan của ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký của quỹ. Thành viên hội đồng quản trị, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát, chủ tịch công ty, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.

2. Người có liên quan của công ty quản lý quỹ, người hành nghề quản lý quỹ, người làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ không bị hạn chế giao dịch chứng chỉ Quỹ. Các giao dịch

này được thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán (trừ trường hợp là giao dịch trong đợt chào mua công khai hoặc trong đợt chào bán, phát hành ra công chúng) hoặc theo các phương thức khác phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm giao dịch.

3. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải bao gồm thông tin về loại (mã) chứng khoán, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo về giao dịch cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tập trung tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước khi có yêu cầu.
4. Thành viên hội đồng quản trị hoặc hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoài các loại giá dịch vụ quản lý quỹ, thường trả cho Công ty quản lý quỹ và đã được quy định rõ tại điều lệ quỹ.
5. Trong hoạt động quản lý quỹ, Công ty quản lý quỹ bảo đảm:
 - a) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính quỹ, các quỹ khác do mình quản lý.
 - b) Không được sử dụng tài sản ủy thác để đầu tư vào quỹ hoặc ngược lại. Quy định này không áp dụng trong trường hợp khách hàng ủy thác là cá nhân nước ngoài, tổ chức 100% vốn nước ngoài và đã chấp thuận cho phép thực hiện các giao dịch nêu trên.
 - c) Không được sử dụng tài sản của quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ.

CHƯƠNG VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 33. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng Giám sát được chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Là ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán và có chức năng thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý Quỹ đại chúng do UBCKNN cấp.
2. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ và ngược lại.
3. Ngân hàng giám sát, Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Thành viên Ban Tổng Giám đốc, nhân viên trực tiếp của ngân hàng giám sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.
4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký
5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 của Điều lệ này.

Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát:

- a) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm kiểm tra, giám sát, đảm bảo hoạt động quản lý Quỹ của công ty quản lý quỹ là phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ.
- b) Ngân hàng giám sát có thể thực hiện đăng ký sở hữu chứng chỉ Quỹ cho nhà đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi và thực hiện các hoạt động giúp nhà đầu tư thực hiện quyền phát sinh liên quan đến việc sở hữu chứng chỉ quỹ;
- c) Ngân hàng giám sát có nghĩa vụ lưu giữ và bảo quản an toàn tài sản Quỹ, thay mặt Quỹ thực hiện quyền phát sinh liên quan đến tài sản Quỹ (ngoại trừ quyền bỏ phiếu), thanh toán giao dịch Quỹ theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát và lệnh hoặc chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ;
- d) Ngân hàng giám sát phải quản lý tách biệt tài sản của các Quỹ với nhau và với tài sản của ngân hàng giám sát và các tài sản khác do ngân hàng giám sát quản lý, trong mọi trường hợp, vốn và tài sản của Quỹ không được sử dụng để thanh toán những khoản nợ của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác ngoài Quỹ;
- e) Ngân hàng giám sát có trách nhiệm xác nhận các báo cáo liên quan đến tài sản và hoạt động của Quỹ do Công ty quản lý quỹ lập;
- f) Ngân hàng giám sát thực hiện nghĩa vụ báo cáo và quản lý hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát.
- g) Ngân hàng giám sát phải tuân thủ các quy định khác tại Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan, Điều lệ Quỹ và hợp đồng giám sát;
- h) Không được nhận bất kỳ một lợi ích nào khác (ngoài các khoản giá dịch vụ theo quy định tại Hợp đồng giám sát) cho chính mình hoặc cho người thứ ba.
- i) Công ty quản lý quỹ là đại diện được ủy quyền thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ. Việc chuyển giao tài sản của quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của công ty quản lý quỹ theo đúng quy định tại hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát
- j) Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của quỹ, các tài khoản của quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán;
- k) Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của quỹ, kể cả các thủ tục thanh, quyết toán thuế đối với quỹ;
- l) Các giao dịch cho quỹ trên tài khoản của ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, kể cả các hoạt động nhận tiền, thanh toán giao dịch, nhận cổ tức, lãi trái phiếu và các khoản thu nhập khác, phải được xác định rõ là thuộc về quỹ. Trường hợp giao dịch trên tài khoản hoặc đứng danh của tổ chức lưu ký phụ theo pháp luật có liên quan, các giao dịch này và tài sản trong giao dịch phải được xác định rõ là thuộc về quỹ, thông qua ngân hàng giám sát.
- m) Ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát chịu trách nhiệm bồi thường đầy đủ cho quỹ trong trường hợp làm thất thoát tài sản của quỹ đã lưu ký và gửi kho quỹ tại ngân hàng theo quy định của pháp luật, kể cả trong trường hợp do lỗi hoặc hành vi lừa đảo của nhân viên của ngân hàng, hoặc do sự cầu thả, không cẩn thận của ngân hàng

- n) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại điều lệ quỹ;
- o) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- p) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

- a) Ngân hàng giám sát được hưởng các loại giá cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản quỹ theo Điều lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- b) Được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Đại hội Nhà đầu tư và của Ban đại diện Quỹ.

Điều 35. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp sau:
 - a) Ngân hàng lưu ký giám sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Luật Chứng khoán;
 - b) Đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát;
 - c) Quỹ hết thời gian hoạt động, bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d) Theo quyết định của đại hội nhà đầu tư.
2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật.

CHƯƠNG VIII: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 36. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

Công ty kiểm toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a) Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- b) Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán.
- c) Được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cho phép kiểm toán quỹ đầu tư.
- d) Không phải là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 37. Năm tài chính

1. Năm tài chính là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ

được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm.

2. Trường hợp thời gian từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp giấy chứng nhận lập quỹ/giấy phép thành lập và hoạt động cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 38. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

Điều 39. Báo cáo tài chính

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ.
2. Các báo cáo tài chính sẽ được kiểm toán độc lập hàng năm bởi công ty kiểm toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được thông báo đến Ban đại diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công ty quản lý quỹ để nhà đầu tư có thể tham khảo.

Điều 40. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

CHƯƠNG IX: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 41. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.
2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát để xác định giá trị tài sản ròng của quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng là phù hợp các quy định của pháp luật, giá trị tài sản ròng được tính chính xác.
3. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định định kỳ hàng tuần và phải được công bố theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ xem xét việc lựa chọn và trình Ban đại diện phê duyệt danh sách các tổ chức cung cấp báo giá cho Quỹ. Tổ chức cung cấp báo giá được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

1. Có chức năng và được cấp phép hoạt động cung cấp dịch vụ báo giá.
2. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ báo giá.
3. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ.

Điều 43. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ

1. Nguyên tắc:

Công ty quản lý quỹ phải đảm bảo:

- a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định của pháp luật và tại điều lệ quỹ;
- b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ trên cơ sở các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công;
- c) Các khoản mục tài sản cần định giá, bao gồm chứng khoán, tiền và các khoản đầu tư khác, phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các chi tiêu chưa thống nhất phải được xử lý kịp thời.
- d) Giá chứng khoán chưa niêm yết phải được thường xuyên cập nhật, theo nguyên tắc thận trọng, phù hợp với mức độ thanh khoản của thị trường (có tính tới mức giá của các giao dịch gần nhất đã thực hiện thành công với khối lượng giao dịch tương đương);
- e) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu, cổ phiếu thương, trái tức và các lợi ích vật chất khác thuộc về quyền sở hữu phải được hạch toán vào tài sản của quỹ (trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- f) Những khoản chi phí, lãi tiền gửi, trái tức và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến thời điểm định giá theo một tỷ lệ lãi suất phù hợp;
- g) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định của pháp luật;
- h) Trường hợp mức độ thanh khoản của thị trường bị hạn chế, cần xác lập các mức dao động giá hợp lý, tùy thuộc vào biến động của thị trường khi định giá;
- i) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- j) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của quỹ với ngân hàng giám sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

2. Thời điểm xác định giá trị tài sản ròng

- a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng tuần vào ngày định giá là ngày Thứ Sáu của mỗi tuần. Trường hợp Công ty quản lý quỹ thay đổi kỳ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ thì Công ty quản lý quỹ phải xin ý kiến chấp thuận từ Ban đại diện quỹ trước khi thực hiện.
- b) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng với sự xác nhận của Ngân hàng giám sát.
- c) Trường hợp bị định giá sai, trong vòng hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi phát hiện ra sự việc, ngân hàng giám sát hoặc công ty quản lý quỹ (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát kịp thời điều chỉnh.
- d) Trong thời hạn năm (05) ngày, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định pháp luật, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

3. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- a) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của quỹ tính đến ngày trước ngày định giá.
- b) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ Quỹ đang lưu hành.
- c) Việc xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ thực hiện theo các nguyên tắc sau:
- i. Giá trị tài sản tài chính

ST T	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1.	Tiền (VND)	Số dư tiền mặt tại ngày trước ngày định giá
2.	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại các tổ chức tín dụng được phép kinh doanh ngoại hối tại ngày trước ngày định giá
3.	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá
4.	Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu (có thời gian đáo hạn còn lại dưới ba tháng) và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu	Giá mua cộng với lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá
Trái phiếu		
5.	Trái phiếu niêm yết	- Giá đóng cửa trên hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
6.	Trái phiếu không niêm yết	- Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc + Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc + Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận
Cổ phiếu		

7.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
8.	Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	<ul style="list-style-type: none"> - Giá cuối ngày (giá cơ sở hoặc giá tham chiếu cho ngày giao dịch tiếp theo hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
9.	Cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom	<ul style="list-style-type: none"> - Giá của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá (dùng để xác định giá tham chiếu cho ngày giao dịch kế tiếp theo quy định của Sở giao dịch chứng khoán); - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn hai (02) tuần tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
10.	Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị trung bình dựa trên báo giá (giá trung bình của các giao dịch trong kỳ) của tối thiểu 03 tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. - Trường hợp không có đủ báo giá của tối thiểu 03 tổ chức báo giá, là một trong các mức sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trung bình từ 02 tổ chức báo giá; hoặc + Giá của kỳ báo cáo gần nhất nhưng không quá ba (03) tháng tính đến ngày định giá; + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
11.	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch	<ul style="list-style-type: none"> Là một trong các mức giá sau: <ul style="list-style-type: none"> + Giá trị sổ sách; hoặc + Mệnh giá; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại

		điện quỹ chấp thuận.
12.	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá sau: - 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
13.	Cổ phần, phần vốn góp khác	Là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc + Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
14.	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa tại ngày giao dịch trước gần nhất trước ngày định giá
15.	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch trong vòng 2 tuần trở lên	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
16.	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá xác định theo phương pháp đã được ban đại diện quỹ chấp thuận.

Ghi chú:

- *Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá;*
- *Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.*
- *Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá trái phiếu (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;*
- *Ngày được hiểu là ngày theo lịch.*

ii. Giá trị cam kết từ các hợp đồng phái sinh

- Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.
- Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:
 - Nguyên tắc bù trừ rỗng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Nguyên tắc bù trừ rỗng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
 - Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại chứng khoán	Giá trị cam kết
1	Quyền chọn cổ phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2	Quyền chọn trái phiếu (mua/bán quyền chọn bán, mua/bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta
3	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị tính trên một điểm chỉ số × mức chỉ số hiện tại
4	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = số hợp đồng × giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) × giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5	Các hợp đồng khác	Theo mô hình đo công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát và được ban đại diện quỹ chấp thuận

- Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các hợp đồng chứng khoán phái sinh và dư nợ vay, các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ.

CHƯƠNG X: PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ QUỸ

Điều 44. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tăng vốn điều lệ

1. Quỹ có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư hiện hữu được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán phần chứng chỉ quỹ còn dư cho các nhà đầu tư khác.
2. Việc chào bán để tăng vốn phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.
3. Phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ và phương án đầu tư số vốn thu được phải được Đại hội Nhà đầu tư thông qua.

Điều 45. Phân chia lợi tức của quỹ

1. Lợi tức Quỹ được phân phối cho nhà đầu tư dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ và trình Đại hội nhà đầu tư thông qua.
2. Lợi tức Quỹ chỉ được phân phối trong trường hợp Quỹ có lợi nhuận thực hiện trong kỳ là số dương hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các quỹ (nếu có) theo quy định tại điều lệ quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.

¹Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

3. Sau khi chi trả, quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
4. Lợi tức Quỹ có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng chứng chỉ quỹ phát hành thêm hoặc bằng tài sản khác theo quy định của pháp luật. Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
5. Nếu xét thấy phù hợp, dựa trên đề xuất của công ty quản lý quỹ, được sự chấp thuận của Ban đại diện Quỹ, Ban đại diện Quỹ có thể quyết định tạm ứng cho Nhà đầu tư một mức lợi tức nhất định mà lợi nhuận hoặc Quỹ dự trữ khác của Quỹ cho phép sau khi đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua mức lợi tức hàng năm.

CHƯƠNG XI: GIẢI THỂ VÀ THANH LÝ TÀI SẢN QUỸ

Điều 46. Các điều kiện giải thể quỹ

1. Việc giải thể Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - a. Quỹ kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Quỹ và Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ mà không được gia hạn;
 - b. Đại hội nhà đầu tư quyết định giải thể quỹ trước thời hạn.
 - c. Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - d. Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán của ngân hàng giám sát bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn hai (02) tháng, kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - e. Giá trị tài sản ròng của quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng;
2. Việc giải thể Quỹ phải được UBCKNN chấp thuận.

Điều 47. Thanh lý tài sản quỹ khi giải thể

1. Tiền thu được từ việc thanh lý tài sản Quỹ và các tài sản còn lại khi giải thể được thanh toán theo thứ tự ưu tiên sau:
 - a. Thanh toán nghĩa vụ tài chính với Nhà nước
 - b. Thanh toán các chi phí giải thể Quỹ, các khoản Quỹ phải trả cho công ty quản lý quỹ, Ngân hàng giám sát.
 - c. Thanh toán các khoản Quỹ phải trả khác theo quy định của pháp luật (nếu có);
 - d. Phần tài sản còn lại của Quỹ được dùng để thanh toán cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ góp vốn của nhà đầu tư trong Quỹ.
2. Nếu như tài sản Quỹ không đủ hoàn trả cho toàn bộ số vốn đã góp, khi phân phối, mỗi nhà đầu tư sẽ chịu thiệt hại tương ứng theo tỷ lệ sở hữu của mình tại Quỹ.

CHƯƠNG XII: GIÁ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Điều 48. Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ đóng

Giá dịch vụ phát hành phát hành chứng chỉ Quỹ là 1% mệnh giá/l chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành do nhà đầu tư trả và áp dụng khi phát hành chứng chỉ Quỹ khi phát hành lần đầu hoặc/và tăng vốn.

Điều 49. Thu nhập của quỹ

Thu nhập của quỹ bao gồm các khoản sau:

1. Cổ tức.
2. Lãi trái phiếu.
3. Lãi tiền gửi.
4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của quỹ.
5. Các khoản thu nhập khác, nếu có, phát sinh từ việc đầu tư tài sản của Quỹ.

Điều 50. Giá dịch vụ quản lý quỹ

Giá dịch vụ quản lý được thanh toán cho Công ty quản lý quỹ bao gồm:

1. Giá dịch vụ quản lý thường niên:

Giá dịch vụ quản lý là 1%/năm và được tính hằng tháng dựa trên giá trị tài sản ròng của danh mục (NAV) tại thời điểm đầu mỗi tháng.

Công ty quản lý quỹ sẽ tự động trích thu giá dịch vụ quản lý phát sinh khi đến hạn.

2. Thưởng: Công ty quản lý quỹ được hưởng mức thưởng như sau:

Thưởng hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ Thiên Việt một lần vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm tài chính nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ TVGF2 cao hơn chỉ số căn bản ở mức 8% trong năm tài chính.

Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ Thiên Việt sẽ nhận được bằng 20% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times L_i$$

$$L_i = V_i - \text{cổ tức đã trả trong năm} - [V_{i-1} \times (100\% + 8\%) + N_i \times (100\% + 8\% \times d/365)]$$

L_i : khoản lợi nhuận vượt trội để tính thưởng hoạt động hằng năm

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i

8%: chỉ số căn bản được cố định ở mức 8%

Điều khoản thưởng cũng được điều chỉnh theo mức lợi suất cao nhất trước đó (điều khoản "high water mark") được áp dụng theo thông lệ quốc tế đối với mức thưởng hoạt động để bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư.

Điều 51. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát

Giá dịch vụ giám sát, lưu ký là mức giá được trả cho Ngân hàng Giám sát để cung cấp dịch vụ ngân hàng giám sát và được quy định cụ thể trong Hợp đồng giám sát giữa Công ty quản lý quỹ với Ngân hàng giám sát. Giá dịch vụ giám sát, lưu ký được tính dựa trên NAV vào ngày định giá. Giá dịch vụ này không bao gồm các chi phí ngoài thông thường như chi phí thanh toán cho Trung tâm lưu ký, chi phí pháp lý, chi phí tem thư, v.v...

Quỹ đầu tư sẽ thanh toán cho Ngân hàng giám sát đối với dịch vụ đăng ký và thanh toán quyền lợi của nhà đầu tư như: đăng ký và xác nhận sở hữu, lưu ký chứng chỉ quỹ, duy trì và cập nhật thông tin của nhà đầu tư vào Sổ đăng ký Nhà đầu tư, thực hiện các báo cáo xác nhận và đối chiếu danh sách nhà đầu tư với Trung tâm Lưu ký chứng khoán, thanh toán cổ tức cho nhà đầu tư. Mức giá và phương pháp thanh toán được quy định tại Hợp đồng Giám sát.

Điều 52. Chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ gồm:

1. Phí môi giới hợp lý, hợp lệ liên quan đến các giao dịch tài sản Quỹ;
2. Thuế, phí và lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật;
3. Tiền vay phải trả đối với các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều lệ Quỹ và quy định của pháp luật;
4. Các chi phí liên quan đến việc kiểm toán Quỹ;
5. Các chi phí liên quan đến việc tư vấn luật cho Quỹ;
6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ;
7. Chi phí sửa đổi Điều lệ Quỹ vì quyền lợi của nhà đầu tư;
8. Chi phí liên quan đến việc tổ chức, triệu tập họp Đại hội Nhà đầu tư và Ban đại diện không theo yêu cầu hoặc không vì quyền lợi của công ty quản lý quỹ;
9. Các chi phí liên quan đến việc in ấn, bố cáo, thông tin các hoạt động liên quan đến Quỹ, phát hành bản cáo bạch nếu phát hành thêm chứng chỉ Quỹ;
10. Thù lao/thưởng cho Ban đại diện Quỹ;
11. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban đại diện Quỹ quyết định.

Điều 53. Thưởng hoạt động và chi số tham chiếu

Như quy định tại khoản 2 Điều 50 của Điều lệ này.

CHƯƠNG XIII: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 54. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa quỹ và các quỹ, các khách hàng đầu tư uỷ thác của công ty quản lý quỹ và giữa quỹ và công ty quản lý quỹ.

1. Công ty quản lý quỹ phải:
 - a. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý;
 - b. Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư uỷ thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, chủ tịch công ty quản lý quỹ, thành viên ban giám đốc, thành viên ban kiểm soát, kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

CHƯƠNG XIV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ THAY ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 55. Công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quỹ sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.
2. Công ty quản lý quỹ thực hiện việc công bố thông tin theo quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 56. Thay đổi điều lệ

Điều lệ này chỉ được bổ sung và sửa đổi khi có sự chấp thuận của Đại hội Nhà đầu tư.

Điều 57. Đăng ký điều lệ

1. Điều lệ này được lập thành bốn (4) bản chính có giá trị như nhau bằng tiếng Việt Nam:
 - 01 bản đăng ký tại các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Quỹ.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Công ty quản lý quỹ.
 - 01 bản lưu tại văn phòng của Ngân hàng giám sát.
2. Bản chính của Điều lệ phải do người đại diện theo pháp luật của của Công ty quản lý quỹ ký ban hành. Các bản trích hay sao y của bản Điều lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban đại diện Quỹ hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý quỹ thì mới có giá trị.

Điều 58. Điều khoản thi hành

1. Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, thành viên Ban đại diện quỹ, Nhà đầu tư và các bên có liên quan có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực từ ngày tháng năm 201... sau khi đã được Đại hội Nhà đầu tư của Quỹ thông qua cùng ngày.

Đính kèm cùng Điều lệ các phụ lục sau:

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ THIÊN VIỆT

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THANH THẢO

PHỤ LỤC 1.1: CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

Số giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; và Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015.

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ Đầu Tư Tăng Trưởng Thiên Việt 2 :

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.
3. Đảm bảo quỹ luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản phí và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo các thỏa thuận liên quan.
5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:
 - a) Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;
 - b) Các báo cáo liên quan đến quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của quỹ;
 - c) Bàn đánh giá giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ;
 - d) Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức phí hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp đại hội người đầu tư theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt
Người đại diện theo pháp luật
Chủ tịch Hội đồng quản trị



NGUYỄN THANH THẢO

PHỤ LỤC 1.2: CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Giấy CNDKHD-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015.

Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014.

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát.
6. Giám sát danh mục đầu tư của quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại điều lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.
8. Thực hiện nghĩa vụ ghi chép và theo dõi tất cả các giao dịch, các khoản lãi, cổ tức và thu nhập được nhận hoặc được phân phối của quỹ.
9. Đảm bảo quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

**Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 1.3: CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Thiên Việt

Số giấy phép thành lập và hoạt động: Giấy phép thành lập hoạt động công ty quản lý quỹ số 15/UBCK-GPHĐQLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006; Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/9/2015.

và

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành

Giấy CNĐKHD-CN số: 0100150619-073 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần thứ 10 ngày 20/05/2015.

Giấy chứng nhận Chi nhánh thành viên lưu ký số: 19/GCNTVLK-CN-3 do Tổng Giám đốc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp ngày 30/12/2014.

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các vốn góp mà quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại hội đồng thành viên của doanh nghiệp mà quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong điều lệ quỹ hoặc bản cáo bạch.

Công ty CP QLQ Thiên Việt

Chủ tịch Hội đồng quản trị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



NGUYỄN THANH THẢO

Đại diện có thẩm quyền
ngân hàng giám sát

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Mỹ Linh

PHỤ LỤC 1.4: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH THƯỜNG HOẠT ĐỘNG

QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ THƯỜNG CHO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ:

Thường hoạt động chỉ được trả cho Công ty quản lý quỹ Thiên Việt một lần vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm tài chính nếu tỷ lệ tăng trưởng giá trị tài sản ròng của quỹ TVGF2 cao hơn chỉ số căn bản ở mức 8% trong năm tài chính.

Khoản thưởng hoạt động mà công ty quản lý quỹ Thiên Việt sẽ nhận được bằng 20% của phần vượt trội L_i (sẽ diễn giải dưới đây) trong năm tài chính.

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times L_i$$

$$L_i = V_i + \text{cổ tức đã trả trong năm} - [V_{i-1} \times (100\% + 8\%) + N_i \times (100\% + 8\% \times d/365)]$$

L_i : khoản lợi nhuận vượt trội để tính thưởng hoạt động hằng năm

V_i : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm i

V_{i-1} : là giá trị tài sản ròng của các khoản đầu tư vào ngày 31 tháng 12 (hoặc ngày làm việc gần nhất) của năm $(i-1)$

N_i : số tiền thu được từ đợt phát hành trong năm i

d : số ngày tính từ thời điểm số vốn huy động mới được phép giải ngân đến ngày 31 tháng 12 của năm i

8%: chỉ số căn bản được cố định ở mức 8%

Điều khoản thưởng cũng được điều chỉnh theo mức lợi suất cao nhất trước đó (điều khoản "high water mark") được áp dụng theo thông lệ quốc tế đối với mức thưởng hoạt động để bảo đảm quyền lợi của nhà đầu tư.

Ví dụ tính thưởng:

Chỉ số	Ghi chú	Giá trị
NAV đầu năm (tỷ đồng)	V_{i-1}	300
NAV cuối năm (tỷ đồng)	V_i	600
Tiền phát hành mới trong năm (tỷ đồng)	N_i	150
Số ngày thực tế sử dụng tiền mới	d	200
Chỉ số căn bản		8%
Cổ tức đã trả trong năm (tỷ đồng)		30

$$L_i = 600 + 30 - [300 \times (100\% + 8\%) + 150 \times (100\% + 8\% \times 200/365)] = 630 - (324 + 156.6) = 149.4 \text{ tỷ đồng}$$

$$\text{Tiền thưởng} = 20\% \times L_i = 20\% \times 149.4 = 29.88 \text{ tỷ đồng}$$